

Bản án số: 55/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27/9/2024

V/v: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Dương Thị Kim Nhung**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Nguyễn Văn Đích**

Bà **Dương Thị Bình**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Võ Ngọc Tín** - Thư ký TAND quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà tham gia phiên tòa:** Ông **Đặng Văn Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 27/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 151/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 148/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16/9/2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Đặng Văn L**, sinh năm: 1990. Nơi ĐKKHKT: Phòng 703 Chung cư L, phường N, quận S, thành phố Đ. Tạm trú: Số 68 đường D, phường M, quận S, thành phố Đ. *Có mặt.*

2. *Bị đơn:* Bà **Huỳnh Thị Ngọc B**, sinh năm: 1991; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Phòng 703 Chung cư L, phường N, quận S, thành phố Đ. *Vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông **Đặng Văn L** trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông **Đặng Văn L** và bà **Huỳnh Thị Ngọc B** có đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại UBND phường H, quận H, thành phố Đ. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc ai. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc cho đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, tính tình không hòa

hợp. Vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay ông L nhận thấy tình cảm đối với bà B không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông L đề nghị Tòa án cho ông L được ly hôn với bà B.

- Về quan hệ con chung: Ông Đặng Văn L xác định ông và bà Huỳnh Thị Ngọc B có 02 con chung là: Đặng Huỳnh Trúc L1, sinh ngày 02/7/2015 và Đặng Huỳnh Duy L2, sinh ngày 26/3/2017. Ly hôn, nguyện vọng của ông L là được nuôi con chung Đặng Huỳnh Trúc L1 cho đến khi con chung Đặng Huỳnh Trúc L1 đủ 18 tuổi. Giao con chung Đặng Huỳnh Duy L2 cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng cho tới khi con chung Đặng Huỳnh Duy L2 đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung: Ông Đặng Văn L xác định không có.

- Về nợ chung: Ông Đặng Văn L xác định không có.

*\* Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc B vắng mặt. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án bà B trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Ngọc B và ông Đặng Văn L có đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại UBND phường H, quận H, thành phố Đ. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc ai. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc cho đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, tính tình không hòa hợp. Vợ chồng chúng ông, bà sống ly thân từ đó đến nay. Tuy nhiên theo bà B đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhất trong cuộc sống. Xét về tình cảm bà vẫn còn yêu thương ông L. Nay ông L yêu cầu ly hôn, bà B không đồng ý.

- Về quan hệ con chung: Bà Huỳnh Thị Ngọc B xác định bà và ông L có 02 con chung là: Đặng Huỳnh Trúc L1, sinh ngày 02/7/2015 và Đặng Huỳnh Duy L2, sinh ngày 26/3/2017. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, nguyện vọng của bà B là được nuôi cả hai con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung: Bà Huỳnh Thị Ngọc B xác định không có.

- Về nợ chung: Bà Huỳnh Thị Ngọc B xác định không có.

*\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Theo đó, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng pháp luật, riêng bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc B không chấp hành triệu tập của Tòa án, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.*

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đặng Văn L đối với bà Huỳnh Thị Ngọc B.

- Về quan hệ con chung: Áp dụng điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung là: Đặng Huỳnh Trúc L1, sinh ngày 02/7/2015 cho ông Đặng Văn L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung Đặng Huỳnh Trúc L1 đủ 18 tuổi. Giao con chung Đặng Huỳnh Duy L2, sinh ngày 26/3/2017 cho bà Huỳnh Thị Ngọc B trực tiếp nuôi dưỡng cho tới khi con chung Đặng Huỳnh Duy L2 đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đặng Văn L và bà Huỳnh Thị Ngọc B xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Nếu sau này có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì giải quyết bằng một vụ án khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX nhận định:*

[1] **Về thủ tục:** Đơn khởi kiện của ông Đặng Văn L nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Huỳnh Thị Ngọc B là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng bà Huỳnh Thị Ngọc B vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] **Về nội dung:** Ông Đặng Văn L và bà Huỳnh Thị Ngọc B đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại UBND phường H, quận H, TP Đ theo giấy chứng nhận kết hôn số: 47/2014, quyển số: 01/2014 cấp ngày 23/4/2014. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng ông, bà chung sống tại nhà cha mẹ ruột bà B ở địa chỉ: P 703 Chung cư L, phường N, quận S, thành phố Đ. Vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung dẫn đến thường xuyên cãi vã, to tiếng với nhau. Vợ chồng sống ly thân từ giữa năm 2023 cho đến nay. Không ai quan tâm, chăm sóc nhau trong cuộc sống. Tại phiên tòa

hôm nay, ông Đặng Văn L xác định không còn yêu thương bà Huỳnh Thị Ngọc B nữa, ông xin được ly hôn.

Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Đặng Văn L đối với bà Huỳnh Thị Ngọc B thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa ông Đặng Văn L và bà Huỳnh Thị Ngọc B lại không làm được điều này. Khi mâu thuẫn xảy ra hai bên không tìm được cách giải quyết để hàn gắn và xây dựng gia đình. Qua xác minh tại địa phương cũng thể hiện giữa ông L và bà B có mâu thuẫn dẫn cãi vã, xô xát với nhau, hiện nay ông L không còn chung sống với bà B tại địa phương. Về phía bà Huỳnh Thị Ngọc B, Tòa án đã tạo điều kiện nhiều lần để vợ chồng hòa giải mâu thuẫn, trở về đoàn tụ chung sống với nhau nhưng bà Huỳnh Thị Ngọc B vắng mặt tại các phiên hòa giải. Việc này cho thấy bà Huỳnh Thị Ngọc B không tôn trọng Tòa án và thờ ơ với việc hàn gắn hạnh phúc gia đình, không có thiện chí níu kéo mối quan hệ hôn nhân của mình. Xét thấy, mâu thuẫn của ông Đặng Văn L và bà Huỳnh Thị Ngọc B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đặng Văn L đối với bà Huỳnh Thị Ngọc B là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

**[3] Về con chung:** Ông Đặng Văn L xác định bà và bà Huỳnh Thị Ngọc B có 02 con chung là: Đặng Huỳnh Trúc L1, sinh ngày 02/7/2015 và Đặng Huỳnh Duy L2, sinh ngày 26/3/2017. Ly hôn, nguyện vọng của ông L là được nuôi con chung Đặng Huỳnh Trúc L1 cho đến khi con chung Đặng Huỳnh Trúc L1 đủ 18 tuổi. Giao con chung Đặng Huỳnh Duy L2 cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng cho tới khi con chung Đặng Huỳnh Duy L2 đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà B trình bày: Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, nguyện vọng của bà B là được nuôi cả hai con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu về việc xin được nuôi con chung thì thấy: Việc giao con cho ai trông nom, nuôi dưỡng đều phải dựa vào quyền lợi mọi mặt của con, đảm bảo được sự phát triển của con cả về thể chất lẫn tinh thần. Hiện nay, bà B làm nghề nghiệp tự do, thu nhập không ổn định. Trong quá trình giải quyết vụ án bà B không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ chứng minh việc mình có đủ thu nhập để nuôi cả hai con chung nên không đủ điều kiện để nuôi cả hai con chung cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Còn ông L đang làm công việc kỹ thuật viên, hàng tháng thu nhập 15.000.000 đồng nên việc giao con chung Đặng Huỳnh Trúc L1 cho ông Đặng Văn L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung Đặng Huỳnh Trúc L1 đủ 18 tuổi. Giao con chung Đặng Huỳnh Duy L2

cho bà Huỳnh Thị Ngọc B trực tiếp nuôi dưỡng cho tới khi con chung Đặng Huỳnh Duy L2 đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với tình hình thực tế, ổn định cuộc sống của các con, phù hợp với nguyện vọng của các con cũng như quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

**[4] Về tài sản chung, nợ chung:** Ông Đặng Văn L xác định vợ chồng bà không có tài sản chung và nợ chung. Bà Huỳnh Thị Ngọc B vắng mặt tại phiên tòa tuy nhiên có ý kiến tình bày về việc vợ chồng bà không có tài sản chung. Do vậy, HĐXX không xem xét giải quyết. Nếu sau này tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì giải quyết bằng một vụ án khác.

**[5] Án phí HNGĐ sơ thẩm:** 300.000 đồng ông Đặng Văn L phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" của ông Đặng Văn L đối với bà Huỳnh Thị Ngọc B.

**Xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Ông Đặng Văn L được ly hôn bà Huỳnh Thị Ngọc B.

*Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đặng Văn L đối với bà Huỳnh Thị Ngọc B nên giấy chứng nhận kết hôn số 47/2014, quyển số 01/2014 do UBND phường H, quận H, TP Đ cấp cho ông Đặng Văn L và bà Huỳnh Thị Ngọc B ngày 23/4/2014 không còn giá trị pháp lý.*

**2. Về quan hệ con chung:** Giao con chung là: Đặng Huỳnh Trúc L1, sinh ngày 02/7/2015 cho ông Đặng Văn L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung Đặng Huỳnh Trúc L1 đủ 18 tuổi. Giao con chung Đặng Huỳnh Duy L2, sinh ngày 26/3/2017 cho bà Huỳnh Thị Ngọc B trực tiếp nuôi dưỡng cho tới khi con chung Đặng Huỳnh Duy L2 đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung,

các bên đều có quyền yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung.

**3. Án phí HNGĐ-ST:** 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) ông Đặng Văn L phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) ông Đặng Văn L đã nộp tại biên lai thu số 0002763 ngày 23/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Ông Đặng Văn L đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao hoặc tổng đạt bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Sơn Trà;
- Chi cục THADS quận S;
- UBND phường H, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ,

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Dương Thị Kim Nhung**